|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Rà soát tính đồng bộ của văn bản pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định**

**tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp**

**tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Chương trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết danh mục dự án xanh, tiêu chí, điều kiện xác định dự án xanh và việc xác nhận dự án xanh*, thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ là tháng 12/2022.

Trên cơ sở Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đề xuất chỉnh sửa lại tên của Quyết định cho phù hợp với Nghị định mới được ban hành. Theo đó, tên của Quyết định được điều chỉnh tại Công văn số 509/VPCP-TH ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 là “*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh*”.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chình phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, kết quả sau:

## **1. Tổ chức thực hiện rà soát**

### **1.1. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (sau đây gọi chung là văn bản pháp luật) liên quan đến lĩnh vực tài chính, tài nguyên và môi trường, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin và truyền thông.

### **1.2. Phương pháp rà soát**

*1.2.1. Phân loại văn bản pháp luật để rà soát*

Các văn bản pháp luật được chia thành hai nhóm, cụ thể: (i) nhóm thứ nhất bao gồm các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung Quy định tại Dự thảo Quyết định; (ii) nhóm thứ hai bao gồm các văn bản pháp luật liên quan đến nội dung Danh mục phân loại xanh.

# Hình 1. Phân loại các văn bản pháp luật có liên quan đến dự thảo Quyết định

*1.2.2. Phương pháp rà soát*

Phương pháp rà soát các văn bản pháp luật bao gồm:

- Phương pháp thu thập và phân loại

- Phương pháp phân tích và so sánh.

**2. Kết quả rà soát pháp lý**

***2.1. Văn bản pháp luật liên quan đến nội dung tại quy định của dự thảo Quyết định đã rà soát***

Qua thực hiện rà soát, đã xác định được **21** văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến dự thảo Quyết định trong đó:

- Văn bản Luật: có **05** văn bản, trong đó dự thảo Quyết định thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 149 và khoản 5 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Nghị định: có **12** văn bản, trong đó dự thảo Quyết định thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 154 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư: có **04** văn bản

*(Các văn bản pháp luật cụ thể tại* ***Phụ lục 1****)*

Trong các văn bản được rà soát, có **03** văn bản được đề nghị bổ sung các quy định để bảo đảm tính đồng bộ với nội dung của dự thảo Quyết định sau khi được ban hành (trong đó có **01** văn bản Luật và **02** Nghị định), **18** văn bản pháp luật còn lại kết quả rà soát cho thấy đều phù hợp và có tính liên kết với các quy định trong dự thảo Quyết định (được thể hiện chi tiết tại ***hình 2 và Phụ lục 1)***

******

**Hình 2. Số lượng và tỷ trọng các văn bản pháp luật liên quan đến dự thảo Quyết định**

Kết quả rà soát cũng cho thấy các quy định trong dự thảo Quyết định sau khi được ban hành và có hiệu lực sẽ bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành, không có văn bản pháp luật nào có hiệu lực pháp lý thấp hơn bị sửa đổi, thay thế hoặc ban hành mới.

Các văn bản pháp luật liên quan đến trái phiếu xanh (trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành, trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành, trái phiếu xanh do doanh nghiệp phát hành) và tín dụng xanh được rà soát có thể kể đên. Cụ thể:

*\* Đối với trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành*

- Trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành đã được quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ, theo đó tại Nghị định này đã quy định cụ thể về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán đã quy định về quy trình phát hành trái phiếu chính phủ xanh, nội dung của Đề án phát hành trái phiếu chính phủ xanh; và việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu Chính phủ xanh thực hiện theo quy định tại Điều 14 điều kiện và điều khoản của trái phiếu Chính phủ, Điều 15 đấu thầu phát hành trái phiếu Chính phủ, Điều 16 bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, Điều 17 phát hành riêng lẻ trái phiếu Chính phủ, Điều 18 đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu Chính phủ, Điều 19 giao dịch trái phiếu Chính phủ và Điều 21 về trái phiếu xanh của Nghị định này.

*\* Đối với trái phiếu xanh do chính quyền địa phương phát hành*

Trái phiếu xanh do Chính quyền địa phương phát hành đã được quy định tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, trong đó tại điểm k, khoản 1 Điều 8 về Tổ chức vay theo hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đã quy định: *"Trường hợp phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh phải tuân thủ các quy định như đối với phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thông thường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính"*. Ngoài ra, việc tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh thực hiện theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

*\* Đối với trái phiếu xanh do doanh nghiệp phát hành*

Trái phiếu xanh do doanh nghiệp phát hành đã được quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, trong đó:

- Thời hạn công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu xanh của doanh nghiệp phải tuân thủ quy định đối với trái phiết thông thường tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP, theo đó, *"Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán".* Các nội dụng công bố thông tin trước đợt chào bán đã được quy định cụ thể tại Điều 3 Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định đã nêu trên, việc công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh của doanh nghiệp phát hành đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP[[1]](#footnote-1) quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

- Về công bố thông tin định kỳ, nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP đã được Bộ Tài chính quy định cụ thể, bao gồm các tài liệu sau:

+ Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ.

+ Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

+ Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.

Ngoài các tài liệu với kể trên, đối với trái phiếu xanh, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*\* Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu cấp tín dụng xanh.*

Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu cấp tín dụng xanh phải tuân quy các quy định về các tổ chức tín dụng có nhu cầu cấp tín dụng thông thường tại Điều 126 quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng; Điều 127 quy định về hạn chế cấp tín dụng; Điều 128 quy định về giới hạn cấp tín dụng của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010).

#### **2.2. Kết quả rà soát các văn bản pháp luật có liên quan nội dung Danh mục phân loại xanh**

Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định, nhóm soạn thảo đã rà soát toàn bộ các văn bản Luật và dưới Luật, các Quy chuẩn quốc gia và quốc tế nhằm đưa ra các tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu và xác định danh mục văn bản pháp luật liên quan đến Danh mục phân loại xanh, bao gồm **80** dự án đầu tư được phân thành **09** nhóm tương ứng, cụ thể:

- **19** dự án đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng với **44** văn bản pháp luật có liên quan.

- **03** dự án đầu tư trong lĩnh vực Giao thông vận tải với **23** văn bản pháp luật có liên quan.

- **07** dự án đầu tư trong lĩnh vực Tài nguyên nước với **44** văn bản pháp luật có liên quan.

- **03** dự án đầu tư trong lĩnh vực Xây dựng với **13** văn bản pháp luật có liên quan.

- **19** dự án đầu tư trong lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học gồm với **52** văn bản pháp luật có liên quan.

- **05** dự án đầu tư trong lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo với **16** văn bản pháp luật có liên quan.

- **11** dự án đầu tư trong lĩnh vực Chất thải với **29** văn bản pháp luật có liên quan.

- **08** dự án đầu tư trong lĩnh vực Thông tin, truyền thông và dịch vụ với **28** văn bản pháp luật có liên quan.

- **05** dự án đầu tư chuyển đổi xanh với **28** văn bản pháp luật có liên quan.

*(Bảng rà soát chi tiết tại Phụ lục 2)*

Qua rà soát, nhóm tư vấn nhận thấy Danh mục phân loại xanh, bao gồm **80** dự án đầu tư được phân thành **09** nhóm đều tuân thủ và đồng bộ với các văn bản pháp luật còn hiệu lực. Ngoài ra, các văn bản pháp luật được rà soát là cơ sở tham chiếu để ban hành các tiêu chí môi trường.

# 3. Kiến nghị hoàn thiện văn bản pháp luật liên quan nội dung Danh mục phân loại xanh

Để bảo đảm việc thi hành Nghị định có hiệu quả và thông suốt, nhóm tư vấn kiến nghị bổ sung một số quy định sau:

- Bổ sung nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước về việc thống kê và báo cáo định kỳ hàng năm về việc thực hiện Quy định này đối với tín dụng xanh vào Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010 và Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Bổ sung vào Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính về trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Tài chính quy định cụ thể định mức chi cho việc thẩm định, xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh; Tổ chức thống kê và xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về việc thực hiện Quy định này đối với trái phiếu xanh và gửi Thủ tướng Chính phủ để báo cáo và Bộ Tài nguyên và Môi trường để biết và theo dõi, phối hợp.

# 4. Đề xuất, kiến nghị về việc xây dựng dự thảo Quyết định

Thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả rà soát các văn bản pháp luật về lĩnh vực tài chính, tài nguyên và môi trường cho thấy dự thảo Quyết định hầu hết phù hợp và có tính liên kết, đồng bộ với các văn bản đang còn hiệu lực. Trong đó, tại Phụ lục 1 thể hiện chi tiết các nội dung liên kết với các văn bản pháp luật đang còn hiệu lực, đồng thời đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính. Tại Phụ lục 2, các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia là căn cứ pháp lý, cơ sở tham chiếu để xác định các tiêu chí sàng lọc, chỉ tiêu để xác định các dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

Quá trình rà soát cũng cho thấy, Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh là vô cùng quan trọng, cấp thiết và có vai trò quyết định cho đầu tư xanh, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu để đáp ứng nhu cầu tài chính xanh to lớn cho mục tiêu tăng trưởng xanh, đặc biệt là cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050.

Trên đây là Báo cáo rà soát tính đồng bộ của văn bản pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, Bộ Tài nguyên và môi trường kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Phụ lục 1.** **Kết quả rà soát văn bản pháp luật liên quan đến nội dung quy định của dự thảo Quyết định**

| **STT** | **Tên văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành** | **Trích yếu nội dung** | **Thời điểm có hiệu lực** | **Quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan đến dự thảo Quyết định** | **Đánh giá sự liên kết/không liên kết[[2]](#footnote-2)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Luật | 46/2010/QH12 ngày 16/06/2010 | Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 01/01/2011 | Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước | **Đề nghị bổ sung nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước** về việc thống kê và báo cáo định kỳ hàng năm về việc thực hiện Quy định này đối với tín dụng xanh  |
|  | Luật | 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 | Luật Chứng khoán | 01/01/2021 | Điều 121. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúngĐiều 15. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng | **Liên kết**Trường hợp chủ thể phát hành trái phiếu xanh thì phải tuân thủ quy định về trái phiếu thông thường quy định tại: Điều 121. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng; Điều 15. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật chứng khoán |
|  | Luật | 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 | Luật Bảo vệ môi trường 2020 | 01/01/2022 | Điều 149 Tín dụng xanh, Điều 150 Trái phiếu xanh | **Liên kết**Dự thảo Quyết định thực hiện Điều 149 Tín dụng xanh và Điều 150 Trái phiếu xanh của Luật Bảo vệ môi trường 2020 |
|  | Luật | 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 | Luật Các tổ chức tín dụng 2010 | 01/01/2011 | Điều 126. Những trường hợp không được cấp tín dụng; Điều 127. Hạn chế cấp tín dụng; Điều 128. Giới hạn cấp tín dụng | **Liên kết**Các tổ chức cấp tín dụng xanh được quy định tại Dự thảo Quyết định phải tuân thủ các quy định sau: Điều 126. Những trường hợp không được cấp tín dụng; Điều 127. Hạn chế cấp tín dụng; Điều 128. Giới hạn cấp tín dụng tại Luật Các tổ chức tín dụng 2010. |
|  | Luật | 67/2011/QH12, 29/03/2011  | Luật kiểm toán độc lập 2011 | 01/01/2012 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Căn cứ vào Luật kiểm toán độc lập 2011 dự thảo Quyết định quy định Tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh  |
|  | Nghị định | 17/2012/NĐ-CP, 13/03/2012 | Nghị định hướng dẫn Luật kiểm toán độc lập | 01/05/2012 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Căn cứ vào Nghị định 17/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật kiểm toán độc lập, Dự thảo Quyết định quy định Tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. |
|  | Nghị định | 84/2016/NĐ-CP; 01/07/2016 | Nghị định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng | 01/07/2016 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Căn cứ vào Nghị định 84/2016/NĐ-CP về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng, Dự thảo Quyết định quy định Tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. |
|  | Nghị định | 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 | Nghị địnhQuy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 17/02/2017 | Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn | **Đề nghị sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ chi tiết của Ngân hàng nhà nước về Tín dụng xanh:**Tổ chức thống kê và xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về việc thực hiện Quy định này đối với tín dụng xanh và gửi Thủ tướng Chính phủ để báo cáo, Bộ Tài nguyên và Môi trường để biết và theo dõi, phối hợp. Báo cáo định kỳ hằng năm được gửi trước ngày 15 tháng 01 của năm sau. |
|  | Nghị định | 68/2022/NĐ-CP ngày 22/09/2022 | Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 01/11/2022 | Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn | **Liên kết**Căn cứ Nghị định 36/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự thảo Quyết định quy định nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại khoản 1 điều 8. |
|  | Nghị định | 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 | Nghị địnhQuy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính | 26/07/2017 | Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn | **Đề nghị bổ sung quy định về nhiệm vụ của Bộ Tài Chính:**Tổ chức thống kê và xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về việc thực hiện Quy định này đối với trái phiếu xanh và gửi Thủ tướng Chính phủ để báo cáo, Bộ Tài nguyên và Môi trường để biết và theo dõi, phối hợp. Báo cáo định kỳ hằng năm được gửi trước ngày 15 tháng 01 của năm sau. |
|  | Nghị định | 93/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 | Nghị địnhQuy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương | 01/07/2018 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Trường hợp chính quyền địa phương phát hành trái phiếu xanh đối với các dự án đầu tư thì cần tuân thủ điểm a khoản 1 điều 3 Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường vốn trong nước theo quy định của Nghị định 93/2018/NĐ-CP. |
|  | Nghị định | 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 | Nghị địnhQuy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán | 01/07/2018 | Điều 21: “Trái phiếu xanh là một loại trái phiếu Chính phủ được phát hành để đầu tư cho các dự án liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường (dự án xanh) và nằm trong danh mục dự án được phân bổ vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước” | **Liên kết**Trường hợp trái phiếu xanh do Chính phủ phát hành phải tuân thủ quy định tại Nghị định 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán |
|  | Nghị định | 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 | Nghị địnhQuy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế | 01/01/2021 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Trường hợp trái phiếu xanh do doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước hoặc thị trường quốc tế tuân thủ quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế |
|  | Nghị định | 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 | Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế | 16/09/2022 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Trường hợp trái phiếu xanh do doanh nghiệp phát hành riêng lẻ tại thị trường trong nước và quốc tế thì phải tuân thủ các quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế |
|  | Nghị định | 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 | Nghị địnhhướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng | 03/03/2021 | Điều 7. Công trình hiệu quả năng lượng, công trình tiết kiệm tài nguyên và công trình xanh | **Liên kết**Các dự án đầu tư thuộc mục D. Xây dựng của Danh mục phân loại xanh phải tuân thủ Điều 7. Công trình hiệu quả năng lượng, công trình tiết kiệm tài nguyên và công trình xanh của Nghị định 15/2021/NĐ-CP hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. |
|  | Nghị định | 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 | Nghị địnhhướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường | 10/01/2022 | Điều 154. Dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; Điều 155. Cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh; Điều 156. Lộ trình thực hiện tín dụng xanh; Điều 157. Trái phiếu xanh; | **Liên kết**Dự thảo Quyết định thực hiện Điều 154. Dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. |
|  | Nghị định | 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 | Nghị định 01/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | 20/02/2011 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Dự án đầu tư phát hành trái phiếu xanh được phát hành bởi Chính phủ, được Chính phủ bảo lãnh hoặc phát hành bởi chính quyền địa phương thì phải tuân thủ Nghị định 01/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương |
|  | Thông tư | 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 | Thông tưQuy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại sở giao dịch chứng khoán và tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | 01/01/2022 | Toàn bộ văn bản | **Liên kết**Dự án đầu tư khi phát hành và giao dịchtrái phiếu xanh trên thị trường thì giá dịch vụ phải tuân thủ các quy định tại Thông tư 101/2021/TT-BTC quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành |
|  | Thông tư | 15/2022/TT-BCT ngày 03/10/2022 | Thông tư quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp | 25/11/2022 | Khoản 2,3,5,6 Điều 2 | **Liên kết**Dự thảo Quyết định kế thừa các định nghĩa *Nhà máy điện mặt trời nổi, Nhà máy điện mặt trời mặt đất, Nhà máy điện gió trong đất liền, Nhà máy điện gió trên biển* tại điều 2 Thông tư 15/2022/TT-BCT quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp |
|  | Thông tư | 66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 | Thông tư ban hành các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác | 01/01/2016 | Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này ba (03) chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác, bao gồm:1. Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ. | **Liên kết**Căn cứ *Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ* được ban hành tại khoản 1 điều 1 *Thông tư 66/2015/TT-BTC các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác,* Dự thảo Quyết định quy định Tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. |
|  | Thông tư | 69/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 | Thông tư về Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo | 01/01/2016 | Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo. | **Liên kết**Căn cứ *Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo* ban hành tại điều 1 Thông tư 69/2015/TT-BTC về Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo,Dự thảo Quyết định quy định Tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. |
| **Tổng số: 21 văn bản** |  |

# Phụ lục 2. Kết quả rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến Danh mục phân loại xanh

| **Lĩnh vực** | **Tên văn bản pháp luật** |
| --- | --- |
| **A. NĂNG LƯỢNG** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Điện lực sửa đổi ngày 20 tháng 11 năm 2012 |
| Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 |
| Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2010 |
| Văn bản hợp nhất số 01/2018/VBHN-VPQH ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội hợp nhất luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả |
| Văn bản hợp nhất số 05/2019/VBHN-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam |
| Văn bản hợp nhất số 51/2020/VBHN-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương hợp nhất quyết định về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật |
| Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật điện lực và Luật điện lực sửa đổi |
| Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định hướng dẫn và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả |
| Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hoạt động kinh doanh khí và điều kiện kinh doanh khí tại thị trường Việt Nam |
| Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện thay thế Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg |
| Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam |
| Quyết định số 1557/2020/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm |
| Quyết định số 2023/2019/QĐ-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình Thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà tại Việt Nam giai đoạn 2019-2025 |
| Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 |
| Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam |
| Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam |
| Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 06 năm 2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động giảm phát thải khí Mê-tan đến năm 2030 |
| Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió |
| Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xây dựng khung giá phát triển nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp |
| Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư số 25/2016/TT-BCT quy định về hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối |
| Thông tư số 31/2016/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại |
| Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương |
| Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối |
| Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6306 (IEC 60076) về Máy biến áp điện lực |
| Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7447 (IEC 60364) về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp |
| Các Tiêu chuẩn quốc gia TCVN quy định kỹ thuật đối với xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01: 2020/BCT về An toàn điện |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12230:2018 (IEC TS 62910:2015) về Bộ nghịch lưu quang điện nối lưới |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12231-1:2019 (IEC 62910-1:2010) An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống quang điện- Phần 1: Yêu cầu chung |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12231-2:2019 (IEC 62910-2:2010) An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống quang điện- Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với bộ nghịch lưu |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13534:2021 quy định kỹ thuật đối với sản phẩm, nhiên liệu sinh học rắn: Viên nén, gỗ - Yêu cầu chung |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13535:2021 quy định kỹ thuật đối với sản phẩm, nhiên liệu sinh học rắn: Viên nén, gỗ - Phân hạng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5847:2016 về Cột điện bê tông cốt thép ly tâm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7447-4-44:2010 (IEC 60364-4-44:2007) về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7998-1:2009 (IEC 60383-1: 1993) về Cái cách điện dùng cho đường dây trên không có điện áp danh nghĩa lớn hơn 1000V |
| **B. GIAO THÔNG VẬN TẢI** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017 |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu |
| Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật |
| Thông tư số 11/2018/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình tàu điện ngầm |
| Thông tư số 33/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải ban hành sửa đổi 01:2020 QCVN 86:2015/BGTVT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2020 sửa đổi QCVN86:2015/BGTVT về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất; lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2014/BXD về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 108:2021/BGTVT về cảng cạn |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 109:2021/BGTVT về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 77:2014/BGTVT về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN86:2015/BGTVT về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất; lắp ráp và nhập khẩu mới |
| Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12772:2020 (ISO 17409:2015) về Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện - Đầu nối với nguồn cung cấp điện từ bên ngoài - Yêu cầu an toàn |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6438:2018 về phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải |
| **C. TÀI NGUYÊN NƯỚC** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012 |
| Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015 |
| Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017 |
| Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 |
| Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018 |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch |
| Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch |
| Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật |
| Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước |
| Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải |
| Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải và phế liệu |
| Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải |
| Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 |
| Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch |
| Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh |
| Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường |
| Thông tư số 12/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt |
| Thông tư số 12/2019/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định về tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm |
| Thông tư số 13/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất |
| Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển |
| Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 107:2021/BGTVT về cảng biển |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10-MT: 2015/BTNMT về chất lượng nước biển |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2018/BGTVT về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4118:2012 về Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế |
| Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8213:2009 về tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới tiêu |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9164:2012 về Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9169:2012 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Quy trình tưới nhỏ giọt |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9170:2012 về Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật tưới bằng phương pháp phun mưa |
| **D. XÂY DỰNG** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020 |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 ngày 02 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý vật liệu xây dựng |
| Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng |
| Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2008/BXD cho nhà ở và công trình công cộng – sinh mạng và sức khoẻ |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 ngày 7 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-3:2016/BXD cho các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình hào và tuy nen kỹ thuật |
| Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 202 của Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2021/BXD cho quy hoạch xây dựng |
| Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng |
| Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2017/BXD cho các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả |
| **E. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC** | Luật An toàn thực phẩm ngày 28 tháng 6 năm 2010 |
| Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018 |
| Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007 |
| Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008 |
| Luật Đa dạng sinh học ngày 28 tháng 11 năm 2008 |
| Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 |
| Luật Đê điều ngày 11 tháng 12 năm 2006 |
| Luật Du lịch ngày 19 tháng 06 năm 2017 |
| Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017 |
| Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013 |
| Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 |
| Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018 |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ bổ sung chính sách hướng tới nông nghiệp công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp cũng đặt ra chính sách khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao |
| Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ |
| Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tưởng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 1355/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí Nhãn du lịch bền vững Bông Sen Xanh áp dụng cho các cơ sở lưu trú du lịch tại Việt Nam |
| Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 |
| Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn |
| Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển |
| Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) |
| Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP) |
| Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp |
| Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam (FSC-STD-VN-01-2018) |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 -189:2019/BNNPTNT về chất lượng phân bón |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-189-2019 BNNPTNT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc giavề chất lượng phân bón |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thuỷ sản |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi tôm nước lợ |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về điều kiện nuôi thuỷ sản |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03-MT:2015/BTNMT về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2008/BTNMT về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 45:2012/BTNMT về giới hạn cho phép của dioxin trong một số loại đất |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 54:2013/BTNMT về ngưỡng xử lý hóa chất bảo vệ thực vật hữu cơ khó phân hủy tồn lưu theo mục đích sử dụng đất |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 62-MT: 2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; các dự án đáp ứng Kỹ thuật hiện có tốt nhất |
| Tiêu chuẩn ISO 21401: 2018 – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú, du lịch và các dịch vụ liên quan |
| Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN 11041-3:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ – Phần 2: Trồng trọt hữu cơ |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4378:2001 (soát xét lần 2) Cơ sở chế biến thuỷ sản – Điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7265:2015 Quy phạm thực hành đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9593:2013 Quy phạm thực hành chăn nuôi tốt |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 22000:2018 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm |
| **F. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010 |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tưởng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025 |
| Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006) về Quản lý môi trường - Đánh giá vòng đời của sản phẩm - Nguyên tắc và khuôn khổ |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 Khí nhà kính - Dấu chân carbon của sản phẩm - Yêu cầu và hướng dẫn định lượng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường – Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm |
| **G. CHẤT THẢI** | Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp Chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn đến 2050 |
| Thông tư 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng |
| Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng |
| Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - QCVN 51:2017/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất thép |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-MT:2015/BTNMT về nước thải CN chế biến cao su thiên nhiên |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 11-MT:2015/BTNMT về nước thải CN chế biến thuỷ sản |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-MT:2015/BTNMT về nước thải CN Giấy và bột giấy |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 13-MT:2015/BTNMT về nước thải CN dệt nhộm |
| Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 21: 2009/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất phân hoá học |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 22:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp nhiệt điện |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 23:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25:2009/BTNMT về nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 30:2012/BTNMT về lò đốt chất thải công nghiệp |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 31/2017/TT-BTNMT về nước thải chế biến tinh bột sắn |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 35:2010/BTNMT về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 52:2017/BTNMT về nước thải CN sản xuất thép |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 60-MT:2015/BTNMT về CN sản xuất cồn nhiên liệu |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61:MT-2016/BTNMT về lò đốt Chất thải rắn sinh hoạt |
| Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN 526:2002 về phân hữu cơ vi sinh từ rác thải sinh hoạt |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 670:2009 về Chất thải rắn thông thường- Phân loại |
| **H. THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG VÀ DỊCH VỤ** | Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016 |
| Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 |
| Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 |
| Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013 |
| Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012 |
| Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 |
| Văn bản hợp nhất số 07/2019/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội về Luật Sở hữu trí tuệ |
| Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả |
| Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng |
| Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 |
| Quyết định số 3196/QĐ-BTNTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường (Phiên bản 2.0) |
| Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 |
| Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên |
| Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10540:2014 (ISO/IEC 25051:2006) về Kỹ thuật phần mềm - Yêu cầu và đánh giá chất lượng sản phẩm phần mềm - Yêu cầu chất lượng và hướng dẫn kiểm tra sản phẩm phần mềm sẵn sàng phổ biến và thương mại hóa (COTS) |
| Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 12849-4:2020 ISO/IEC/IEEE 29119-4:2015 Kiểm thử phần mềm - Các kỹ thuật kiểm thử |
| **I. CHUYỂN ĐỔI XANH** | Luật An toàn thực phẩm ngày 28 tháng 6 năm 2010 |
| Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 |
| Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010 |
| Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 |
| Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp chế biến thuỷ sản, áp dụng cho quá trình chế biến công nghiệp của các nhóm sản phẩm cá da trơn và tôm |
| Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép |
| Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn |
| Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường |
| Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới |
| Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 |
| Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050 |
| Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 |
| Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu |
| Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 |
| Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 |
| Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện |
| Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14064 |
| Tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN ISO 22000:2018 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4378:2001 (soát xét lần 2) Cơ sở chế biến thuỷ sản – Điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7265:2015 Quy phạm thực hành đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2017 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường – Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường |
| Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 về Nhãn môi trường và công bố môi trường – Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm |

1. Tại khoản 3 Điều 5 quy định về nguyên tác phát hành và sử dụng vốn trái phiếu xanh, cụ thể là ngoài tuân thủy các nguyên tác phát hành và sử dụng vốn như trái phiếu doanh nghiệp thông thường thì trái phiếu xanh phải tuân thủ "nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo phương án phát hành đã được phê duyệt". [↑](#footnote-ref-1)
2. Đánh giá Dự thảo Quyết đinh có tính liên kết; không liên kết; bổ sung; sửa đổi với các văn bản pháp luật được dẫn chiếu [↑](#footnote-ref-2)